



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

PGS.TS. NGUYỄN TRÚC LÊ (Chủ biên)

VIỆT NAM và VƯƠNG QUỐC ANH

QUAN HỆ KINH TẾ - THƯƠNG MẠI
HƯỚNG TỚI NỀN KINH TẾ CÁC-BON THẤP
VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



PGS.TS. NGUYỄN TRÚC LÊ
(Chủ biên)

VIỆT NAM VÀ VƯƠNG QUỐC ANH
QUAN HỆ KINH TẾ - THƯƠNG MẠI HƯỚNG TỚI NỀN KINH TẾ CÁC-BON THẤP VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TỦ SÁCH KHOA HỌC
MS: 460-KHXH-2021



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

IMPACT OF COVID-19 ON VIETNAM'S KEY EXPORT PRODUCTS TO THE UK

Abstract: *The study presents the impact of COVID-19 on Vietnam's key export products to the UK market, including electronics, wood and wood products, textiles, footwear and seafood. The main contents of the article include an overview of research papers, a general overview of the Vietnam-UK trade and the situation of Vietnam's main export industries under the impact of the pandemic. Research shows that all key export groups of Vietnam reduced their export volume to the UK during the COVID-19 epidemic in 2020, especially the textile and footwear industry. However, there is a return to growth of all industry groups in the first half of 2021 thanks to the positive influence of the UKVFTA signing in early 2021. The article also provides forecasts on the development direction of Vietnam's key export industries to the UK in the second half of 2021 and after the pandemic.*

For the electronic components industry: the export turnover of the industry decreased 16 percent in 2020 compared to 2019 under the impact of COVID-19, but there was a remarkable recovery in the first quarter of 2021. However, the epidemic broke out in the northern regions of Vietnam including Bac Giang and Bac Ninh industrial zones where there are many factories producing electronic components. This makes it difficult for Vietnam's production and exports to the UK market to achieve strong growth in the second half of the year. Especially when the epidemic is still complicated in the south and is at risk of spreading to the whole country.

For the wood and articles of wood industry: despite the complicated developments of the epidemic, Vietnam's wooden furniture exports to the UK still exceeded expectations, the export value of the wood and articles of wood to the UK reached 174.4 million USD in the first 7 months of 2021, increasing 49.5 percent over the same period in 2020. Besides, wood and articles of wood are one of the most beneficial export industries from the UKVFTA Agreement. This is an opportunity for Vietnamese wood enterprises to boost their export activities in the UK market.

For the textile and footwear industry: the export turnover of this industry to the UK market decreased significantly in 2020 due to the reduced demand of this market for non-essential items. In addition, the prolonged COVID-19 pandemic has disrupted the supply of raw materials from China, bringing difficulties for the production of the Vietnam textile industry. The exports volume fell sharply in most products in this group, especially two key export commodities including HS61: clothing and clothing accessories, knitted or crocheted (\$217.7 million, decreasing 11.1 per cent compared to 2019) and HS62: clothing and clothing accessories, not knitted or crocheted (\$316.6 million, decreasing 39.3 per cent compared to 2019). The signing of UKVFTA will create favourable conditions for Vietnam's garment and footwear export industry to increase its post-COVID-19 recovery momentum, and at the same time increase its presence in this market.

For the footwear industry: similar to the textile industry, the footwear industry exporting to the UK also faced difficulties in terms of raw material supply and reduced consumer demand in the UK. Vietnam's footwear exports to the UK in 2020 decreased by 20.8% compared to 2019 (UN COMTRADE, 2021). However, thanks to the UKVFTA agreement signed with footwear export incentives to the UK, footwear export turnover to the UK increased by 20.1% in the first 4 months of 2021 compared to the same period in 2019, reaching 204.4

million USD (Multilateral Policy Department, 2021). The Vietnamese footwear industry needs to make good use of opportunities from the UKVFTA agreement to restore production and export to the UK market in the near future.

For the seafood industry: Seafood exports to the UK had an encouraging growth in the first half of 2021, as the COVID-19 epidemic has directed consumers in the UK to quality and easy-to-prepare frozen seafood products. variable at home. The export volume of processed pangasius products increased by 15 times compared to 2020. At the same time, UKVFTA brings great incentives to Vietnam's seafood industry to expand its market share in the UK. However, the epidemic is spreading strongly in Vietnam, especially in the key areas of seafood production and export such as HCM City and the Mekong Delta, which may affect the production and export of seafood products of Vietnam in the coming time.

TÁC ĐỘNG VÀ CHÍNH SÁCH MỞ CỬA BIÊN GIỚI SAU DỊCH COVID-19 ĐỐI VỚI NGÀNH DU LỊCH SINH THÁI TẠI VIỆT NAM VÀ VƯƠNG QUỐC ANH

Nguyễn Thị Vân Anh*, Phạm Thu Thủy**

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp mang tính chất liên ngành bao gồm vận chuyển, lưu trú, ăn uống, dịch vụ tài chính đi kèm (ví dụ bảo hiểm) và nhiều mô hình kinh doanh du lịch (du lịch tâm linh, du lịch sinh thái/du lịch xanh, du lịch việc làm, du lịch khám bệnh, du lịch mạo hiểm) (Hình 1). Với những đặc thù này, ngành du lịch đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế toàn cầu khi tạo thu nhập, tạo việc làm và nguồn thu ngoại tệ. Trước khi dịch COVID-19 bùng phát, ngành du lịch đóng góp 10,4% GDP toàn cầu (9,170 tỷ USD), 10% tổng số việc làm toàn cầu (334 triệu việc làm) và chi tiêu của du khách quốc tế lên tới 1.7 nghìn tỷ USD, tức 6,8% tổng kim ngạch xuất khẩu và 27,4% tổng kim ngạch xuất khẩu dịch vụ toàn cầu (WTTC, 2020).

Những năm trở lại đây, du khách có xu hướng chọn những địa điểm du lịch gắn gũi với thiên nhiên, mang tính xanh và bền vững hơn (Doonvan, 2021), đặc biệt khi những tác động tiêu cực của du lịch đến môi trường và thiên nhiên đã được cộng đồng quốc tế ghi nhận (UNWTO, 2019; Peeters và cộng sự, 2018). Hình thức du lịch xanh đã xuất hiện từ lâu trên thế giới nhưng hiện nay vẫn chưa có những

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.

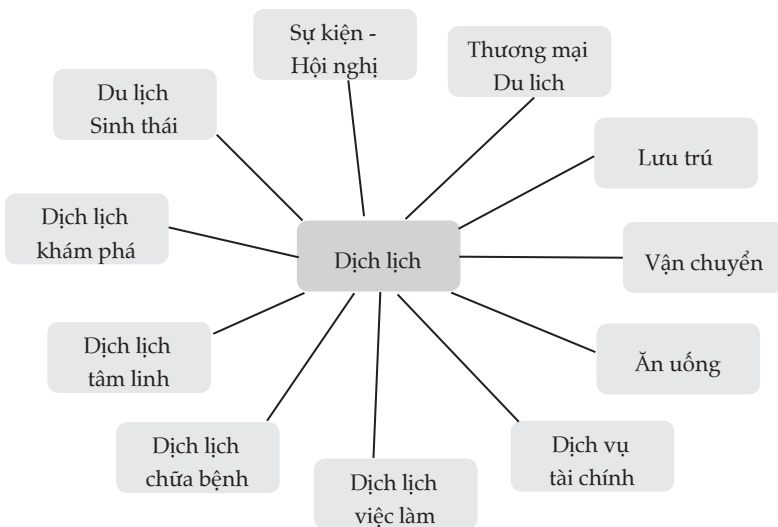
** Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR).

định nghĩa chung chính thức được áp dụng trên toàn cầu. Tùy vào bối cảnh quốc gia, các quy định và định nghĩa về du lịch sinh thái và du lịch xanh được xây dựng và thực hiện rất khác nhau, nhưng nhìn chung các quốc gia đều nhìn nhận du lịch sinh thái và du lịch xanh là loại hình du lịch bảo vệ môi trường, thiên nhiên; góp phần giáo dục, nâng cao văn hóa và ý thức bảo vệ môi trường của du khách và người dân địa phương và hướng tới việc đảm bảo các lợi ích lâu dài, bền vững và hạn chế hoặc không gây nên những thiệt hại về môi trường tại điểm du lịch (Andari, 2016; Ren và cộng sự, 2010). Nguồn thu và giá trị kinh tế của các loại hình du lịch sinh thái tạo ra cho sự phát triển chung của toàn cầu cũng rất lớn. Các khu bảo tồn, du lịch sinh thái thu hút 8 tỷ du khách đến thăm, đóng góp vào ngành Du lịch toàn cầu khoảng 600 tỷ USD cho chi tiêu trực tiếp trong nước và 250 tỷ USD cho thặng dư tiêu dùng mỗi năm (Balmford và cộng sự, 2015).

Mặc dù ngành du lịch nói chung và du lịch sinh thái nói riêng đóng vai trò then chốt trong sự phát triển kinh tế toàn cầu và các nước đang phát triển, song nạn dịch COVID bùng phát xảy ra vào cuối năm 2019 trên toàn thế giới đã gây ảnh hưởng nặng nề tới ngành này. Ngành du lịch toàn cầu bị thiệt hại tài chính gần 4,500 tỷ USD, và 62 triệu việc làm trong ngành bị mất, chi tiêu của du khách quốc tế cũng giảm mạnh, chỉ còn khoảng 500 tỷ USD vào năm 2020 (WTTC, 2020). Việc các quốc gia phải thực hiện các chính sách hạn chế đi lại, giãn cách xã hội và đóng cửa biên giới để hạn chế sự lây lan của dịch đã khiến ngành vận chuyển, đặc biệt là ngành hàng không thiệt hại tài chính lên tới hàng tỷ USD (ICAO, 2021), ngành ăn uống đối mặt với việc đóng cửa đa số cơ sở ăn uống (Cromwell và cộng sự, 2020),... Trước những hậu quả đó, sau khi vắc xin được sản xuất và tình hình dịch bệnh dần ổn định, chính phủ các quốc gia bắt đầu đưa ra và thực hiện các chính sách phục hồi ngành du lịch, trong đó nổi bật nhất là các chính sách mở cửa biên giới và phát triển du lịch sinh thái - du lịch xanh và bền vững - bởi tiềm năng thực hiện mục

tiêu kếp: thúc đẩy kinh tế toàn cầu và tạo ra nguồn thu bền vững cho công tác bảo tồn (Kirkby và cộng sự, 2010).

Mặc dù đã có một số nghiên cứu ghi nhận những tác động trực tiếp và ngắn hạn về tác động của dịch COVID-19 đối với ngành du lịch trên thế giới (Ugur và cộng sự, 2020; Priyadarshini, 2020) và ở Việt Nam (Quang và cộng sự, 2020; Waibel và cộng sự, 2020) cũng như những tác động ban đầu của chính sách hỗ trợ du lịch sau dịch COVID-19 trên toàn cầu, vẫn cần có nhiều nghiên cứu phân tích các tác động cộng đồng và lâu dài của dịch COVID-19 đối với ngành kinh tế mũi nhọn này. Bài viết này hướng tới giải quyết các lỗ hổng kiến thức về vấn đề này, từ đó đưa ra các đề xuất chính sách trong thời gian tới liên quan đến mở cửa du lịch và phát triển bền vững của ngành du lịch sinh thái.

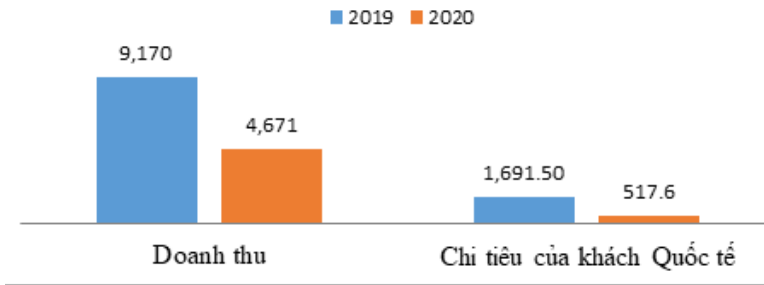


Hình 1. Các ngành có liên quan đến ngành du lịch và lữ hành

2. CÁC ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID ĐẾN NGÀNH DU LỊCH VÀ DU LỊCH SINH THÁI

2.1. Ảnh hưởng đến ngành du lịch nói chung

Hình 2 cho thấy sự sụt giảm nghiêm trọng cả về doanh thu và số lượng khách du lịch kể từ khi dịch COVID-19 xảy ra trên toàn cầu.



Hình 2. So sánh sự đóng góp của ngành du lịch toàn cầu năm 2019 và 2020

(Nguồn: WTTC 2020)

Trong hai năm kể từ khi dịch bệnh COVID-19 xuất hiện, nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ đã có những động thái như đóng cửa Biên giới, kêu gọi người dân hạn chế di chuyển, đi lại,... nhằm hạn chế những ca mắc bệnh mới. Trước khi dịch COVID-19 xuất hiện, mạng lưới phương tiện giao thông, đặc biệt là ngành hàng không có hơn 500 hãng hàng không, 1200 sân bay quốc tế, 40 triệu chuyến bay phục vụ cho hơn 4 tỷ hành khách mỗi năm, đem lại doanh thu hàng chục tỷ USD, đóng góp 1% vào GDP toàn cầu (Nizetic, 2020). Các chính sách hạn chế đi lại, đóng cửa biên giới đã khiến số lượng hành khách sử dụng các dịch vụ hàng không giảm mạnh, thiệt hại tài chính lên tới 370 tỷ USD khiến nhiều hãng hàng không phá sản (ICAO, 2019). Bên cạnh đó, nhiều hãng hàng không cũng phải đối mặt với nguy cơ lây lan bệnh dịch trên máy bay làm cho du khách có tâm lý lo sợ khi sử dụng các dịch vụ hàng không, dẫn đến hạn chế nhu cầu sử dụng dịch vụ hàng không của du khách, gây ảnh hưởng đến số lượng du khách sử dụng dịch vụ này (Namilae và cộng sự, 2017; Chinazzi và cộng sự, 2020). Việc các phương tiện giao thông vận chuyển đóng băng đã khiến các ngành dịch vụ khác của du lịch như dịch vụ ăn uống, dịch vụ lưu trú, dịch vụ tài chính, dịch vụ thương mại,... cùng du lịch tâm linh, du lịch chữa bệnh đối mặt với việc không có du khách hoặc số lượng du khách đến tham quan giảm mạnh, khiến đa số các cơ sở lưu trú, ăn uống vừa và nhỏ phá sản (Cromwell và cộng sự, 2020). Bên cạnh đó, hàng triệu việc làm

cũng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 (WTTC, 2019) dẫn đến việc một lượng lớn nhân lực trong ngành đã cân nhắc bỏ việc và chuyển sang một ngành nghề mới để giải quyết khó khăn tài chính và kiếm nguồn thu nhập mới cho gia đình (Khan và cộng sự, 2021). Điều này khiến cho du lịch hội nghị - sự kiện, du lịch việc làm, du lịch khám phá,... bị đóng băng do không có nhân lực để vận hành.

2.2. Ảnh hưởng của dịch COVID-19 đến du lịch sinh thái

Nhiều quốc gia trên toàn cầu đã hướng tới du lịch sinh thái/ du lịch xanh từ rất sớm do các vấn đề về môi trường diễn ra ở quốc gia đó buộc các Nhà nước phải có những động thái để bảo vệ môi trường.

Tiêu biểu nhất về mô hình du lịch sinh thái và du lịch xanh có lẽ phải kể đến Costa Rica và Kenya.

Costa Rica

Costa Rica là quốc gia được biết đến như là người tiên phong cho du lịch bền vững, du lịch sinh thái. Du lịch sinh thái trong hệ thống vườn quốc gia của Costa Rica và các khu dự trữ sinh học là trụ cột của nền kinh tế, số du khách tham gia du lịch sinh thái tại Costa Rica chiếm 80% tổng số du khách đến nước này, tạo ra hơn 1 tỷ USD mỗi năm (Đại sứ quán Costa Rica, 2010). Với việc sở hữu 6% đa dạng sinh học trên thế giới bên cạnh lợi thế cho phát triển du lịch sinh thái, môi trường Costa Rica cũng đặc biệt dễ bị tổn thương, gây thiệt hại nặng nề đến thiên nhiên và môi trường nước này. Chính vì thế, sau nhiều thập kỷ mất rừng, gây ảnh hưởng nặng nề đến thiên nhiên và môi trường địa phương, nhằm phục hồi kinh tế và thiên nhiên, Costa Rica kết hợp với các khu bảo tồn, các chương trình dịch vụ hệ sinh thái (PES) với du lịch sinh thái (Tafoya và cộng sự, 2020). Cụ thể, Costa Rica đã xây dựng chiến lược thu hút khách du lịch đến với du lịch sinh thái và phát triển du lịch bền vững, thu hút khách du lịch với các hoạt động tình nguyện bền vững, tôn trọng môi trường và mang đến cho du khách cơ hội giảm lượng khí thải các-bon của họ - thường là trực tiếp hỗ trợ trồng rừng và đóng góp vào việc bảo tồn và phát triển các di sản văn hóa. Năm 1997, Costa Rica phát triển Chứng chỉ

Du lịch bền vững (CST) cho các doanh nghiệp du lịch trên toàn quốc để đào tạo, hướng dẫn doanh nghiệp phát triển và quản lý hoạt động kinh doanh bền vững (ICT, 1997). Chúng chỉ đã khuyến khích các doanh nghiệp du lịch hướng tới những hoạt động du lịch bền vững, sử dụng năng lượng tái tạo,... bằng cách đưa chúng chỉ trở thành một ưu đãi, trợ giúp của Viện Du lịch Costa Rica đến doanh nghiệp cũng như trở thành một thương hiệu bằng cách thu hút khách du lịch quan tâm đến du lịch bền vững, điểm tham quan sinh thái và chỗ ở xanh. Điều này cũng tăng độ nhận diện thương hiệu Xanh, Bền vững cho du lịch Costa Rica giúp dịch vụ và sản phẩm du lịch tại quốc gia này trở nên cạnh tranh hơn. Bên cạnh đó, với việc đầu tư cho du lịch bền vững, du lịch sinh thái bảo vệ môi trường, Costa Rica đã khôi phục độ che phủ rừng từ 26% năm 1983 lên hơn 52% vào năm 2021 cùng với đó Costa Rica đã giảm 16% sự nghèo đói tại các địa phương khuyến khích du lịch sinh thái (Oberleitner, 2021). Doanh thu từ các dịch vụ du lịch sinh thái đã tạo ra 30% ngân sách cho hệ thống các khu bảo tồn tại quốc gia này (Spenceley, 2021).

Kenya

Kenya cũng là nước đi đầu trong những chính sách phát triển du lịch xanh, du lịch bền vững với các khu bảo tồn động vật hoang dã lớn. Kenya được biết đến với sự phong phú, đa dạng sinh học và thiên nhiên, đặc biệt với hệ động vật có vú "Big Five" - voi, tê giác, trâu, sư tử, báo cùng bảy môi trường sống cho động vật tại Kenya - savan, bãi biển, rừng, núi phủ tuyết, sa mạc, rạn san hô và đồng bằng sông. Tuy vậy, do sự bùng nổ dân số, người dân Kenya đã sử dụng 88% diện tích đất tại quốc gia này để trồng trọt, chăn nuôi, gây đứt gãy con đường di cư của động vật hoang dã cũng như xâm lấn và chiếm dụng môi trường sống của những loại động vật hoang dã tại quốc gia này. Điều này đã làm giảm 68% số lượng động vật hoang dã tính từ năm 1977 đến 2016, có một số loài giảm số lượng cực đoan đến 72-88% và hiện đang bị đe dọa một cách nghiêm trọng, gây ảnh hưởng trực tiếp đến đa dạng sinh học tại Kenya (Ogutu và cộng sự, 2016; Damania và cộng sự, 2019). Bên cạnh đó, trong những năm 1980

và 1990, ngành du lịch đại chúng, ưu tiên thu lợi nhuận nhanh chóng cũng đã phá hủy thiên nhiên và môi trường Kenya. Để có thể khôi phục đa dạng sinh học cũng như đem đến nguồn thu nhập cho quốc gia, Chính phủ Kenya đã xây dựng các khu bảo tồn động vật hoang dã, chia đất tại khu bảo tồn cho các cộng đồng, tư nhân địa phương kinh doanh quản lý và bảo vệ động vật hoang dã, đa dạng các loại hình du lịch tại các khu bảo tồn nhằm thu hút khách du lịch đến Kenya. Du khách có thể nhìn ngắm động vật hoang dã với khoảng cách gần tại Kenya với 55 công viên quốc gia như Vườn Quốc gia Amboseli, các khu bảo tồn như Maasai Mara,... cũng như sinh hoạt tại các nhà nghỉ, trang trại của cộng đồng, tư nhân địa phương trong khu bảo tồn. Những người dân địa phương sẽ đưa du khách lái xe tại khu bảo tồn buổi đêm, ăn uống và thậm chí cắm trại trong khu bảo tồn. Đặc biệt, vào tháng 7 hàng năm, hàng triệu cá thể linh dương đầu bò, ngựa vằn di cư từ Serengeti ở Tanzania, băng qua dòng sông Mara đầy cá sấu cùng những con sư tử phục kích trên đường đi để đến Khu bảo tồn Quốc gia Maasai Mara của Kenya tìm kiếm đồng cỏ tươi. Trong cuộc di cư khổng lồ này, du khách sẽ tận mắt nhìn thấy vẻ đẹp của thiên nhiên và động vật hoang dã - biểu tượng cho du lịch Kenya thu hút hàng nghìn du khách đến chiêm ngưỡng mỗi năm.

Tại Vương quốc Anh và Việt Nam, các chính sách và mô hình phát triển du lịch sinh thái và du lịch xanh cũng đang được xây dựng và hoàn thiện. Tuy nhiên, mỗi quốc gia lại có những thuận lợi và khó khăn riêng trong việc vận hành loại hình hoạt động này.

Vương quốc Anh (UK)

Ngành du lịch của Vương quốc Anh trong thập kỉ qua trở thành một ngành mũi nhọn của nền kinh tế, với giá trị dự đoán sẽ đạt tới 257 tỷ bảng vào năm 2025 (ICAEW, 2020). Ngành du lịch sinh thái tại UK đã có sự thay đổi trong nhiều năm qua. Các loại hình du lịch sinh thái chuyển từ thị trường du lịch đi tìm hiểu một số loài động vật quý hiếm và đặc biệt (thông thường là xem chim) sang thị trường du lịch đa dạng tìm các nơi thư thái và bình yên để con người có thể gắn kết với thiên nhiên (Curtin và Wilkes, 2008). Tuy nhiên, khó khăn hiện

nay đối với loại hình du lịch này là đa dạng hóa sản phẩm, làm hài lòng sự kì vọng của khách hàng, cung cấp các dịch vụ ăn uống hiệu quả và nỗ lực luôn phải tìm các địa điểm mới để cung cấp các trải nghiệm mới cho khách hàng (Curtin và Wilkes, 2008).

Việt Nam

Việt Nam có lợi thế rất lớn về phát triển du lịch sinh thái, được xếp hạng thứ 16 trên thế giới về mức độ đa dạng của tài nguyên sinh vật (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2013). Du lịch sinh thái tại Việt Nam cũng dần trở thành một ngành du lịch mũi nhọn đầy hứa hẹn trong tương lai với 173 khu bảo tồn có tổng diện tích hơn 2500 ha, gồm 33 vườn quốc gia; 66 khu dự trữ thiên nhiên; 18 khu bảo tồn loài và sinh cảnh; 56 khu bảo vệ cảnh quan dưới sự hỗ trợ của Chính phủ Việt Nam (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2014). Du lịch sinh thái được xác định như là một trong các dòng sản phẩm du lịch chính, có sức cạnh tranh cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới của du lịch Việt Nam (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2014). Tuy nhiên, khó khăn hiện nay đối với ngành du lịch sinh thái là Việt Nam chưa có chiến lược cụ thể về phát triển du lịch sinh thái, các hoạt động du lịch sinh thái mới chỉ dừng lại ở du lịch dựa vào thiên nhiên, chưa thể hiện đặc trưng và yêu cầu của du lịch sinh thái (Thai, 2019).

Ngoài ra, việc tác động vào môi trường nguyên sinh, sử dụng hóa chất để phục vụ việc phát triển cơ sở hạ tầng du lịch và chạy theo lợi nhuận và việc thiếu ý thức bảo vệ môi trường địa phương của các du khách đã gây những tác động xấu đến môi trường và sức khỏe cộng đồng tại địa phương du lịch (Verhey, 2016; Sunlu, 2003; DeLillo, 2011).

Trước khi dịch COVID xảy ra, du lịch sinh thái tạo ra nguồn thu chính cho nhiều quốc gia và địa phương cũng như cung cấp hàng triệu việc làm cho cộng đồng sống tại các điểm du lịch (WTTC 2020). Đại dịch COVID-19 đã làm mất hàng chục triệu việc làm cho cộng đồng với thiệt hại tài chính lên tới 370 tỷ USD (DeLillo, 2011).

Tại Vương quốc Anh, doanh thu của ngành du lịch giảm 37 tỷ bảng trong năm 2020 với sự giảm mạnh số lượng du khách quốc tế và trong nước, các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực khách sạn và giải trí bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh COVID-19, hơn một nửa (54%) thu nhập kinh doanh hàng tháng của các doanh nghiệp bị thiệt hại. Đối với một số doanh nghiệp, tác động của các biện pháp kiểm dịch đối với du khách nước ngoài khiến năm 2020 của họ trở thành một năm thiệt hại lớn. Năm 2019, du lịch trong nước đóng góp 28 tỷ bảng cho nền kinh tế Vương quốc Anh, nhưng kể từ tháng 3 năm 2020, doanh thu của ngành du lịch bị giảm mạnh. Có 1,7 triệu người trực tiếp làm việc trong lĩnh vực du lịch ở Anh - từ chủ khách sạn và chủ nhà nghỉ chỉ phục vụ bữa sáng đến hướng dẫn viên du lịch và đại lý du lịch - và 4 triệu người làm việc trong lĩnh vực này nói chung (ICAEW, 2020).

Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra những tác động môi trường tích cực nhờ dịch COVID-19. Cụ thể hơn, việc hạn chế đi lại đã làm giảm thiểu các hoạt động của con người bao gồm cả việc khai thác quá mức các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Phần lớn dân số buộc phải ở cách ly tại nhà do giãn cách xã hội đã làm giảm bớt các loại ô nhiễm khác nhau, môi trường thiên nhiên xung quanh được trở nên sạch sẽ và xanh. Lượng khí thải CO₂ hàng ngày trên toàn cầu đã giảm 17% vào đầu tháng 4 năm 2020 so với mức trung bình của năm 2019, chủ yếu là do việc hạn chế sử dụng các phương tiện giao thông trên mặt đất (Le Guéré và cộng sự, 2020). Một số lượng lớn các loài chim bao gồm cả kền kền bắt đầu xuất hiện trở lại, các loài côn trùng thụ phấn được nhiều loại cây trồng và thực vật khác hơn, cân bằng sinh thái và đa dạng sinh học được phục hồi (Verma, 2020). Những tác động tích cực đến môi trường này hầu như chỉ là tạm thời, nhưng có thể đóng vai trò như là một ví dụ cho thấy những thay đổi trong cách sống của chúng ta có thể tạo ra những tác động tích cực, nhanh chóng đến môi trường và chứng minh tính hữu ích của các biện pháp giảm thiểu việc đi lại. Do đó, tuy dịch COVID-19 là một thảm họa toàn cầu, nhưng đại dịch cũng là chất xúc tác cho

những sự thay đổi hành vi trong tương lai đem tới những tác động tích cực đến môi trường (Mohamed và cộng sự, 2020; Helm, 2020). Hơn một nửa số khách du lịch toàn cầu (53%) thừa nhận rằng họ muốn đi du lịch bền vững hơn do bệnh Coronavirus, trong đó du khách ở Colombia (74%), Brazil (71%) và Ấn Độ (70%) đặc biệt nhấn mạnh vào việc bảo vệ môi trường (Doovan, 2021). Chính vì thế, một số quốc gia đã nhận thấy dịch COVID-19 là một cơ hội để tái thiết lập và xác định lại ngành du lịch cũng như xem xét đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu, đưa ra các phương pháp tiếp cận đổi mới cho du lịch để tạo ra việc làm, thu hút khách du lịch đến trải nghiệm, bảo vệ môi trường thiên nhiên địa phương và hỗ trợ các doanh nghiệp du lịch phục hồi trong và sau đại dịch.

Tuy nhiên, bên cạnh các ảnh hưởng tích cực, đại dịch COVID-19 cũng tạo nhiều sức ép lên đời sống của người dân địa phương và do vậy nhiều người đã phá rừng để trồng cây lương thực, đảm bảo nguồn lương thực, gây nên những tổn hại rất lớn cho thiên nhiên và đa dạng sinh học địa phương (Conservation, 2020). Tại Brazil, tỉ lệ mất rừng vào tháng 4 năm 2020 sau khi dịch COVID bùng phát tăng 64% so với trước khi có dịch (Fair, 2020). Việc phá rừng cũng khiến cho những động vật quý hiếm bị mất môi trường sống dẫn đến việc tăng nguy cơ bị săn trộm cũng như đụng độ với người dân địa phương (Fair, 2020).

3. CÁC CHÍNH SÁCH MỞ CỬA BIÊN GIỚI - GIẢI PHÁP PHỤC HỒI CHO NGÀNH DU LỊCH

Để khôi phục ngành du lịch và lữ hành toàn cầu cũng như khôi phục nền kinh tế thế giới, các quốc gia bắt đầu đưa ra những chính sách mở cửa để thu hút khách du lịch. Việc nối lại các chuyến bay, mở cửa biên giới cho khách du lịch nên dựa trên ba yếu tố chính. Thứ nhất là các quốc gia chỉ nên mở cửa du lịch cho các quốc gia đã nới lỏng các hạn chế đi lại và mở cửa cho khách du lịch. Thứ hai là chỉ nên mở cửa biên giới đối với du khách đến từ những quốc gia có tình trạng dịch bệnh ổn định, an toàn để làm giảm sự lây lan của virus. Thứ ba là ưu tiên mở các chuyến bay đến địa điểm du lịch, nhằm thu hút khách du lịch và mang lại nhiều lợi ích kinh tế (Kaiser và cộng sự, 2020).

Hiện có 141 quốc gia và vùng lãnh thổ mở cửa cho khách du lịch quốc tế, tuy vậy, họ sử dụng những chính sách mở cửa khác nhau, có thể chia thành 3 loại chính: Mở cửa cho mọi đối tượng khách du lịch (không cần kiểm tra COVID-19 và cách ly); Mở cửa cho mọi đối tượng khách du lịch đã có kết quả âm tính với SARS-CoV-2; Mở cửa cho mọi đối tượng khách du lịch đã có kết quả âm tính với SARS-CoV-2 và phải có thời gian cách ly khi đến (Wego Travel, 2021). Và điều kiện tiên quyết là các du khách quốc tế đã tiêm vắc xin phòng ngừa lây nhiễm dịch bệnh COVID-19 cũng như khi đến du lịch, các du khách phải tuân thủ những quy định phòng dịch của điểm đến như đeo khẩu trang, giữ khoảng cách, đo nhiệt độ,...

Quốc gia Albania là một trong chín quốc gia hiếm hoi mở cửa cho tất cả mọi du khách quốc tế (bên cạnh Colombia, Costa Rica, Mexico, North Macedonia, Các Tiểu Vương quốc Ả Rập thống nhất, San Marino và Vatican) mà không có bất kỳ một hạn chế nào (Wego Travel, 2021). Tuy vậy, họ cũng có một số quy định để hạn chế sự lây lan của dịch bệnh như: tất cả du khách phải duy trì khoảng cách 1.5 mét cũng như đeo khẩu trang mọi lúc trong không gian kín, trên các chuyến bay và trong sân bay; phải được kiểm tra nhiệt độ tại khu vực khách du lịch tới, những người có nhiệt độ trên 37.5 độ C phải vào khu cách ly đặc biệt (Kucheran, 2021). Các quốc gia như Hoa Kỳ, Thụy Sĩ, Mozambique,... đón khách du lịch với điều kiện đã có kết quả âm tính với SARS-CoV-2 mà không bắt buộc thời gian cách ly 14 ngày theo quy định. Khi đến Mỹ, mọi du khách quốc tế trên 2 tuổi phải có xét nghiệm âm tính với COVID-19 hoặc chứng nhận đã phục hồi khỏi COVID-19 để được Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh của Hoa Kỳ (CDC) cấp giấy chứng thực cho phép nhập cảnh vào Mỹ (CDC, 2021). Một số quốc gia và vùng lãnh thổ như Anh, Ireland, Maldives,... đón khách du lịch với điều kiện du khách sẽ phải xét nghiệm có kết quả âm tính với SARS-CoV-2 trước 3 ngày và bắt buộc trả tiền cho dịch vụ cách ly, theo dõi 14 ngày khi đến quốc gia họ, cũng như xét nghiệm COVID lại sau một thời gian ở điểm đến (Wego Travel, 2021).

Bên cạnh đó, để có thể thuận lợi hơn cho khách du lịch, các quốc gia thành viên EU / EEA đã đưa ra và cùng công nhận Chứng chỉ COVID Kỹ thuật số (EU DCC) đối với các du khách quốc tế tiêm vaccin tại bên thứ ba để miễn các hạn chế đi lại đồng nhất trên tất cả Quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu mà không cần cách ly hay kiểm dịch khi đi lại trên những quốc gia đó (EC, 2021b). Các quốc gia châu Âu cũng cùng sử dụng chung một cổng thông tin lưu trữ của Ủy ban An ninh Y tế của Liên minh Châu Âu, lưu trữ các thông tin di chuyển, tiêm vắc xin của du khách đã có chứng chỉ rồi để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho du khách đến châu Âu tham quan và du lịch. Nghị viện Châu Âu cũng kêu gọi thành lập Cổng thông tin Mở tại EU (EU, 2021) để hỗ trợ khách du lịch quốc tế trong việc xác định những điều kiện cần thiết khi đi du lịch tại các quốc gia châu Âu, điều kiện để có Chứng chỉ Kỹ thuật số của EU,... Cùng với đó, Hội đồng Châu Âu cũng đưa ra danh sách xanh (ECDC, 2021) các quốc gia, khu vực hành chính đặc biệt, các thực thể và cơ quan lãnh thổ được dỡ bỏ các hạn chế đi lại tại châu Âu. Danh sách được đưa ra với các tiêu chí như tình hình dịch tế học và phản ứng tổng thể đối với COVID-19, cũng như độ tin cậy của các nguồn thông tin và dữ liệu sẵn có về quốc gia đó. Danh sách này cũng sẽ được cập nhật và sửa đổi thường xuyên sao cho phù hợp với tình hình dịch bệnh trên thế giới.

Vương quốc Anh cũng có những chính sách mở cửa hỗ trợ cho khách du lịch quốc tế. Những du khách khi đến Anh phải có giấy chứng nhận âm tính với COVID-19 trước khi nhập cảnh vào Anh 3 ngày, cùng với đó, họ phải điền một biểu mẫu định vị trước khi nhập cảnh vào Anh để Vương quốc Anh có thể lọc du khách vào những danh sách phân loại nhằm hỗ trợ tốt nhất cho việc nhập cảnh. Biểu mẫu sẽ lọc du khách vào danh sách đỏ, hổ phách hay xanh qua thể loại vaccin du khách tiêm và những quốc gia mà du khách đã cư trú và di chuyển qua trong 10 ngày trước khi nhập cảnh vào Anh (Chính phủ Anh, 2021). Những du khách quốc tế thuộc danh sách Đỏ mà không phải cư dân của Vương quốc Anh hoặc Ireland hay

không có quyền cư trú tại Anh thì sẽ bị từ chối nhập cảnh vào Anh. Đối với các du khách thuộc danh sách hổ phách và danh sách xanh, du khách sẽ được nhập cảnh với các quy định sau (Chính phủ Anh, 2021b) (Bảng 1).

Bảng 1. Chính sách nhập cảnh vào UK năm 2021

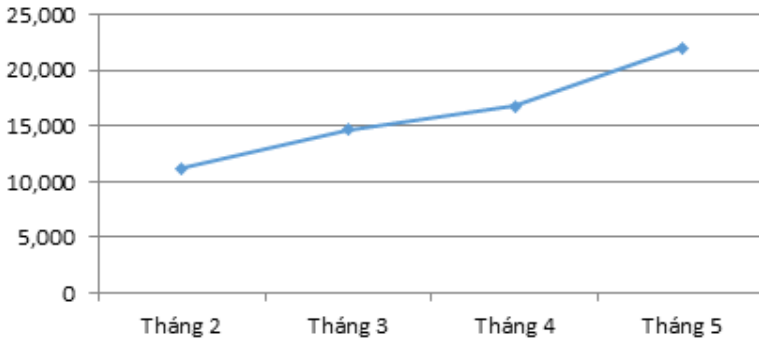
	Danh sách Hổ phách	Danh sách Xanh
Nhập cảnh vào Anh	Có	Có
Có xét nghiệm âm tính với COVID-19 trước khi nhập cảnh vào Anh 3 ngày	Có	Có
Đặt và thanh toán cho dịch vụ xét nghiệm COVID-19 sau khi du khách đến Anh vào ngày thứ hai	Có	Có
Đặt và thanh toán cho dịch vụ xét nghiệm COVID-19 sau khi du khách đến Anh vào ngày thứ tám	Có	Không
Cách li 10 ngày tính từ khi nhập cảnh vào Anh	Tùy thuộc vào loại vaccin du khách tiêm để quyết định. Những du khách đã tiêm đầy đủ Vaccin phòng ngừa COVID được Vương quốc Anh phê duyệt thì không cần cách li 10 ngày. Vaccin mà du khách tiêm không được Vương quốc Anh công nhận, du khách sẽ phải cách li 10 ngày kể từ khi đến Anh.	Không

(Nguồn: Chính phủ Anh, 2021b)

Đi kèm với chính sách mở cửa này, Vương quốc Anh đã xây dựng kế hoạch quốc gia và lộ trình hỗ trợ ngành du lịch bao gồm: Chính phủ đã phân bổ ít nhất 19 triệu bảng cho hoạt động tiếp thị trong nước và quốc tế với một chiến dịch trị giá 5.5 triệu bảng được thực hiện. Các biện pháp như cắt giảm thuế VAT đối với du lịch và khách sạn, tiếp tục giảm thuế suất kinh doanh cho các nhân tố đủ điều kiện để tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp về dòng tiền và các đề xuất mới được đặt ra trong kế hoạch này như giới thiệu sản phẩm du lịch đường sắt, du lịch nội địa và phiếu mua hàng chương trình

do xổ số kiến thiết quốc gia điều hành sẽ giúp kích cầu du lịch. Có một trọng tâm cụ thể trong kế hoạch về việc tối đa hóa các sự kiện đã được lên kế hoạch cho năm 2022 như Lễ kỷ niệm Bạch kim của Nữ hoàng, liên hoan Vương quốc Anh và Đại hội Thể thao khởi Thịnh vượng chung đều sẽ là những đóng góp như là các điểm thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế. Một khi các hạn chế được dỡ bỏ, Chính phủ sẽ tập trung vào việc xây dựng và phục hồi trở lại ngành du lịch theo hướng tốt hơn. Ví dụ như thực hiện kế hoạch đưa ra các mức đầu tư đáng kể trên toàn Vương quốc Anh vào cơ sở hạ tầng và sản phẩm du lịch, cũng như đưa ra các hỗ trợ mới sẽ có trong những năm tiếp theo, như Quỹ Nâng cấp trị giá 4.8 tỷ Bảng. Một cuộc đánh giá độc lập do Nick de Bois dẫn đầu đánh giá cách tốt nhất để cấu trúc lại và hỗ trợ du lịch ở các khu vực đang được tiến hành. Các biện pháp khác, chẳng hạn như một chương trình vận động chính sách và đại sứ mở rộng cho các sự kiện kinh doanh, cũng được đề ra, được thực hiện với sự hợp tác chặt chẽ giữa ngành du lịch và các cơ quan quản lý có liên quan và sẽ áp dụng toàn bộ cách tiếp cận của Chính phủ. Các cơ chế đang được đưa ra để xem xét lại quy hoạch định kỳ, bao gồm một nhóm liên Bộ mới về du lịch, do Quốc vụ khanh phụ trách Bộ Kỹ thuật số, Văn hóa, Truyền thông và Thể thao chủ trì và được Bộ trưởng Bộ Du lịch hỗ trợ. Kế hoạch này đánh dấu một cột mốc quan trọng trong việc phục hồi ngành du lịch khỏi đại dịch này. Nó sẽ đảm bảo lĩnh vực du lịch được đặt đúng vị trí để phát huy hết tiềm năng và đóng góp vào kế hoạch tăng trưởng tổng thể đầy tham vọng của Chính phủ Vương quốc Anh (Bộ Kỹ thuật số, Văn hóa, Truyền thông và Thể thao Vương quốc Anh, 2021).

Nhìn chung, các chính sách mở cửa biên giới mở ra cơ hội phục hồi ngành du lịch toàn cầu khi số lượng du khách quốc tế toàn cầu tăng gấp đôi từ tháng 2 năm 2021 đến tháng 5 năm 2021 (UNWTO, 2021) (Hình 3).



Hình 3. Số lượng khách du lịch quốc tế trên toàn cầu sau khi chính sách mở cửa biên giới được thực thi năm 2021

(Nguồn: UNWTO, 2021)

Việc mở cửa biên giới cũng đem lại những dấu hiệu tích cực tại một số quốc gia, mặc dù những tác động này không lớn như kì vọng. Ví dụ, do nhu cầu về kinh tế, tháng 4 năm 2021, Costa Rica đã thực hiện chính sách mở cửa Biên giới cho du khách quốc tế, nhưng do tình hình dịch bệnh, phải đến tận giữa tháng 5, mới có 18 vườn quốc gia mở cửa trở lại với 50% công suất hoạt động cùng các quy trình nghiêm ngặt về an toàn sức khỏe phòng chống dịch (Spenceley và cộng sự, 2021). Đến tháng 6 năm 2020, 27 khu bảo tồn mở cửa trở lại, nhưng số lượt tham quan đã giảm gần 80% vì những hạn chế về du lịch quốc tế. Cụ thể do số lượng ca nhiễm cao cùng mức độ lây lan lớn, Vương quốc Anh đã xếp Costa Rica vào danh sách đỏ, Mỹ cũng kêu gọi người dân hạn chế đến quốc gia này (CNN, 2021). Bên cạnh đó, bất chấp việc du lịch quốc nội được hoạt động bình thường, doanh thu của các khu bảo tồn vẫn giảm mạnh vì phí vào vườn quốc gia cho người dân chỉ bằng 20% phí vào vườn quốc gia mà du khách quốc tế phải trả (Spenceley và cộng sự, 2021).

Với tình hình dịch bệnh đang diễn ra nghiêm trọng và có sự xuất hiện của nhiều biến thể mới, các chính sách mở cửa cho du lịch tại các quốc gia, trong đó có UK cũng xuất hiện một số hạn chế.

Đầu tiên là do sự bất bình đẳng trong việc phân phối vắc xin dẫn đến tốc độ tiêm chủng tại một số quốc gia trên thế giới còn đang rất chậm (Holder, 2021; WHO, 2021b), chỉ có một số quốc gia lớn như Hoa Kỳ, các quốc gia châu Âu, Trung Quốc, Canada,... đã tiêm đủ một liều vắc xin cho toàn bộ dân số. Điều này khiến sự bất công và phi đạo đức đối với các du khách quốc tế được nhấn mạnh hơn trong điều kiện hầu hết các quốc gia chỉ mở cửa cho khách du lịch đã tiêm vắc xin phòng ngừa COVID (WHO, 2021b).

Thứ hai, chưa có sự thống nhất chung về những chính sách mở cửa và kiểm dịch đối với du khách quốc tế giữa các quốc gia trên thế giới. Chỉ có 15 trên tổng số 26 quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu cùng Ireland công nhận và cùng sử dụng EUDCC (McDonagh, 2021), các Quốc gia còn lại sử dụng những chính sách mở cửa cho khách du lịch riêng. Bên cạnh đó, mỗi quốc gia và vùng lãnh thổ còn không thống nhất về việc xác định mã màu cho khách du lịch. Ví dụ như danh sách xanh của Vương quốc Anh khác với danh sách xanh của một số quốc gia châu Âu (ECDC, 2021; Chính phủ Anh, 2021b). Điều này gây ra những bất lợi lớn đối với khách du lịch quốc tế, họ phải chú ý những thông tin về những quốc gia có thể nhập cảnh và không thể nhập cảnh để lên kế hoạch du lịch. Đôi khi vì tình hình dịch bệnh, dẫn đến sự thay đổi trong danh sách các mã màu mà không được dự báo trước khiến du khách trở nên bị động trong các chuyến đi của họ, gây những thiệt hại về tài chính như hủy phòng, hủy vé máy bay...

Thứ ba, những chính sách mở cửa biên giới cho du lịch gây áp lực lên những chính sách, quy định phòng chống dịch cho cộng đồng địa phương. Kể từ khi được phát hiện lần đầu vào ngày 12 tháng 1 năm 2021, biến thể Delta đã lan rộng ra hơn 96 quốc gia do sự mở cửa, giao lưu và tiếp xúc xã hội, cũng như trở thành biến thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng nhất của COVID-19 (WHO, 2021a). Với những quốc gia không làm chặt chẽ các quy định về phòng chống dịch bệnh tại địa phương, rất có thể sẽ khiến cho dịch bệnh lại bùng nổ một lần nữa, gây thiệt hại nặng nề hơn cho ngành du lịch và lữ hành cũng như nền kinh tế toàn cầu.

KẾT LUẬN

Do chúng tôi chưa thể dự đoán được hết những thiệt hại lâu dài của dịch COVID-19 đối với ngành du lịch, những đề xuất giải pháp cho các chính sách phải được thực hiện phù hợp với từng loại du lịch, từng điều kiện môi trường - kinh tế - xã hội (Adams và cộng sự, 2021). Đối với các quốc gia Đông Nam Á, Chính phủ tập trung vào việc chống chịu các thiệt hại bằng những thay đổi về kinh tế - văn hóa theo hướng đa dạng hóa sinh kế, phục hồi văn hóa, tái tạo hệ sinh thái và phát triển du lịch trong nước sao cho phù hợp hơn với sự biến động đột ngột của dịch bệnh (Adams và cộng sự, 2021).

Bên cạnh đó, để xây dựng các chính sách hỗ trợ cho nhóm dễ tổn thương, cần có những chính sách ưu đãi hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp du lịch vừa và nhỏ đồng thời xây dựng các mô hình liên kết giữa các doanh nghiệp du lịch Việt Nam và nước ngoài (Dimitri và Szilvia, 2020; Benjamin và cộng sự, 2020; Alan và cộng sự, 2020). Hướng tới hình thức du lịch xanh và bền vững có khả năng đối mặt với các dịch bệnh có thể xảy ra trong tương lai, các trường đại học và các tổ chức nghiên cứu cần nghiên cứu các mô hình kinh doanh du lịch sáng tạo và đổi mới, các chương trình giảng dạy mới cho nguồn nhân lực ngành du lịch tương lai hướng tới những trải nghiệm du lịch bền vững, công bằng và có trách nhiệm hơn với môi trường (Dimitri và Szilvia, 2020; Benjamin và cộng sự, 2020) và người dân (Crossley, 2020; Benjamin và cộng sự, 2020). Đây cũng là lúc chính phủ cần đưa ra các chính sách quy hoạch và quản lý du lịch phát huy, thúc đẩy các khu vực công và khu vực tư nhân một cách đồng bộ, hỗ trợ các công ty và điểm du lịch tạo ra những sản phẩm có khả năng chống chịu tốt với các đại dịch trong tương lai, điều mà các chuyên gia y tế cảnh báo sẽ tiếp tục diễn ra phức tạp hơn, để có thể chuyển hướng du lịch thực sự bền vững và linh hoạt phù hợp với một tương lai không ngừng thay đổi và đầy những thách thức mới (Romagaso, 2020). Các chính phủ có thể tham khảo khái niệm Blue Vivir của Nam Mỹ, một khái niệm giúp chuyển các ưu tiên của ngành du lịch vốn

chỉ tập trung vào việc tăng trưởng kinh tế đến các vấn đề phúc lợi xã hội và môi trường, tạo nên kết nối gần gũi hơn giữa con người với nhau, định hướng du lịch theo tính bền vững, bản địa hóa (Phoebe và Natasha, 2020; Luc 2020). Việc chính sách mở cửa kết hợp với các chính sách tài chính đi kèm mà Chính phủ Anh đã xây dựng để hỗ trợ ngành du lịch phục hồi sau đại dịch COVID-19 cũng là mô hình mà Việt Nam nên tham khảo trong lộ trình xây dựng chính sách trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Adams, K.M., Choe, J., Mostafanezhad, M., and Giang, T.P. (2021). Sau đại dịch, khả năng phục hồi của du lịch: Cuộc sống và sinh kế của Đông Nam Á trong tình trạng lấp lửng. *Tourism Geographies* 23(4), 915-936. DOI: 10.1080/14616688.2021.1916584.
2. Alan, A.L., Joseph, M.C., Michael, H., Patrick, B., và Noel, B.S., (2020). Các tầm nhìn về du lịch và du lịch sau khi dịch COVID-19 chuyển đổi toàn cầu vào năm 2020. *Tourism Geographies* 22(3), 455-466, DOI: 10.1080/14616688.2020.1770326.
3. Andari, R., (2016). Du lịch xanh trong việc tạo ra du lịch đô thị bền vững. *South East Asia Journal of Contemporary Business, Economics and Law* 11(2).
4. Balmford, A., Green, J.M.H., Anderson, M., Beresford, J., Huang, C., Naidoo, R., (2015) Đi bộ về phía hoang dã: Ước tính tầm quan trọng toàn cầu của việc thăm quan các khu bảo tồn. *PLoS Biol* 13(2): e1002074. <https://doi.org/10.1371/journal.pbio.1002074>.
5. Benjamin, S., Dilletta, A., and Alderman, D.H., (2020). “Chúng tôi không thể trở lại bình thường”: cam kết công bằng du lịch trong thời đại hậu đại dịch. *Tourism Geographies* 22(3), 476-483, DOI: 10.1080/14616688.2020.1759130.
6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (2014). Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam cho thời kỳ mới đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. *Cổng thông tin Điện tử*. Truy cập ngày 31 tháng 8 năm 2021. <https://bvhttdl.gov.vn/chien-luoc-phat-trien-du-lich-viet-nam-den-nam-2020-tam-nhin-2030-9763.htm>.

7. Bộ Khoa học và Công nghệ., (2013). Báo cáo trình bày tại Hội nghị “Đánh giá hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ trong ngân hàng gen (giai đoạn 2001 - 2013 và định hướng đến năm 2020)”. Hà Nội: *Bộ Khoa học và Công nghệ*. https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment_data/file/992974/Tourism_Recovery_Plan_Web_Accessible_.pdf.
8. Bộ Kỹ thuật số, Văn hóa, Truyền thông và Thể thao Vương quốc Anh., (2021). Kế hoạch phục hồi truyền thông. *Vương quốc Anh: Bộ Kỹ thuật số, Văn hóa, Truyền thông và Thể thao*.
9. [CDC] Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh Hoa Kỳ., (2021). Yêu cầu Bằng chứng về Kiểm tra âm tính với COVID-19 hoặc phục hồi từ COVID-19 đối với hành khách hàng không đến Hoa Kỳ. CDC: *Quarantine and isolation*. <https://www.cdc.gov/quarantine/fr-proof-negative-test.html>
10. Chinazzi, M., Davis, J.T., Ajelli, M., Gioannini, C., Litvinova, M., Merler, S., Pastore y Piontti, A., Mu, K., Rossi, L., Sun, K., Viboud, C., Xiong, X., Yu, H., Halloran M.E., Longini, I.M., and Vespignani, A., (2020). Ảnh hưởng của việc hạn chế đi lại đối với sự lây lan của đợt bùng phát coronavirus mới (COVID-19) năm 2019. *Science* 368(6489), 395-400.
11. Chính phủ Anh., (2021a). Coronavirus (COVID-19). *UK Government*. Truy cập ngày 26 tháng 8 năm 2021. <https://www.gov.uk/coronavirus>.
12. Chính phủ Anh., (2021b). Danh sách đỏ, hổ phách, xanh lá cây: kiểm tra các quy tắc đi du lịch đến Anh từ nước ngoài. *UK Government: Guidance*. <https://www.gov.uk/guidance/red-amber-and-green-list-rules-for-entering-england#red-list-rules>.
13. CNN., (2021). Du lịch đến Costa Rica trong thời gian COVID-19: Những điều bạn cần biết trước khi đi. *CNN Travel*. Truy cập ngày 30 tháng 8 năm 2021. <https://edition.cnn.com/travel/article/costa-rica-travel-covid-19/index.html>.
14. Conservation., (2020). Ảnh hưởng của dịch COVID-19 đến Thiên nhiên. *Conservation*. <https://www.conservation.org/stories/impact-of-covid-19-on-nature>.
15. Cromwell, L.M., Day, K., Ford, L., Fuller, J., Gosset, T., Hunter, C., Lewallen, J., Smith, D. and Zeigler, J., (2020). Tác động của COVID-19 đối với ngành nhà hàng và khách sạn. *JDSUPRA*. <https://www.jdsupra.com/legalnews/impact-of-covid-19-on-the-restaurant-56944/>.

16. Crossley, E., (2020). Đau buồn về hệ sinh thái tạo ra mong muốn chữa lành môi trường trong ngành du lịch sau COVID-19. *Tourism Geographies* 22(3), 536-. DOI: 10.1080/14616688.2020.1759133.
17. Curtin, S., and Wilkes, K., (2008). Các nhà điều hành du lịch động vật hoang dã của Anh: Các vấn đề hiện tại và các loại hình. *Current Issues in Tourism* 8(6), 455-478. DOI: 10.1080/13683500508668231.
18. Damania, R., Desbureaux, S., Scandizzo, P.L., Mikou, M., Gohil, D. and Said, M. (2019). *Khi Bảo tồn tốt trở thành nhân tố kinh tế tốt: Kenya*. Washington, DC: World Bank. <https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/33083>
19. DeLillo, D., (2011). Cái tên. Picador.
20. Dimitri, I., and Szilvia, G., (2020). Cuộc khủng hoảng COVID-19 như một cơ hội để thoát khỏi con đường du lịch toàn cầu không bền vững. *Tourism Geographies* 22(3), 624-632. DOI: 10.1080/14616688.2020.1763445.
21. Doonvan, N., (2021). *Nghiên cứu mới cho thấy mong muốn đi du lịch bền vững hơn ngày càng tăng*. Booking.com. <https://partner.booking.com/en-gb/click-magazine/new-research-reveals-increased-desire-travel-more-sustainably>
22. Đại Sứ quán Costa Rica., (2010) Về Costa Rica: Sơ lược về Costa Rica. Truy cập ngày 30 tháng 8 năm 2021. <http://www.costarica-embassy.org/index.php?q=node/19>.
23. [EC] European Commission., (2021). *Chứng chỉ COVID-19 Kỹ thuật số của EU*. EC. https://ec.europa.eu/info/live-work-travel-eu/coronavirus-response/safe-covid-19-vaccines-europeans/eu-digital-covid-certificate_en#how-will-it-help-free-movement.
24. [ECDC] European Centre for Disease Prevention and Control., (2021). *Bản đồ hỗ trợ Khuyến nghị của Hội đồng về cách tiếp cận phối hợp đối với các biện pháp đi lại ở EU*. ECDC. <https://www.ecdc.europa.eu/en/covid-19/situation-updates/weekly-maps-coordinated-restriction-free-movement>
25. European Union., (2021). Mở cửa lại. Truy cập ngày 26 tháng 8 năm 2021. <https://reopen.europa.eu/en>.
26. Fair, J., (2020). *Việc giãn cách xã hội do COVID-19 dẫn đến nạn phá rừng trên khắp châu Á và Nam Mỹ*. Mongabay Series: Global Forests, Mekong Illegal Logging. <https://news.mongabay.com/2020/07/covid-19-lockdown-precipitates-deforestation-across-asia-and-south-america/>.
27. Helm, D., (2020). Ảnh hưởng của COVID-19 đến môi trường. *Environ Resource Econ* 76, 21-38. <https://doi.org/10.1007/s10640-020-00426-z>.

28. Holder, J., (2021). Theo dõi tình hình tiêm chủng Coronavirus trên khắp thế giới. *The New York Times*. Truy cập ngày 26 tháng 8 năm 2021. <https://www.nytimes.com/interactive/2021/world/covid-vaccinations-tracker.html>
29. ICAEW, (2020). Du lịch tại Vương quốc Anh - hậu COVID. ICAEW. Truy cập ngày 30 tháng 8 năm 2021. <https://www.icaew.com/technical/business-and-management/business-and-management-faculty/business-and-management-magazine/bam-july-august-2020/tourism-in-the-uk-post-covid>.
30. [ICAO] International Civil Aviation Organization., (2021). Tổng số hành khách năm 2020 giảm 60% do ảnh hưởng của COVID-19 vào hoạt động di chuyển quốc tế. *Montréal: ICAO*. <https://www.icao.int/Newsroom/Pages/2020-passenger-totals-drop-60-percent-as-COVID19-assault-on-international-mobility-continues.aspx>.
31. [ICT] Cổng thông tin điện tử Chứng chỉ Du lịch bền vững., (1997). About Truy cập ngày 26 tháng 8 năm 2021. <https://www.ict.go.cr/en/sustainability/cst.html#certification-for-sustainable-tourism>.
32. Kaiser, K., Krishnan, P. and Morisserand, J., (2020). *Mở lại các chuyến bay quốc tế trong thời COVID-19: sử dụng dữ liệu lớn theo thời gian thực tại Việt Nam*. WorldBank: East Asia & Pacific on the Rise. <https://blogs.worldbank.org/vi/eastasiapacific/mo-lai-cac-chuyen-bay-quoc-te-trong-thoi-covid-19-su-dung-du-lieu-lon-theo-thoi>.
33. Kirkby, C.A., Giudice-Granados, R., Day, B., Turner, K., Velarde-Andrade, L.M., Dueñas-Dueñas, A., Lara-Rivas, J.C., and Yu, D.W., (2010). Thành công của thị trường du lịch sinh thái: Điều tra kinh tế về lợi ích xã hội và tư nhân của việc cạnh tranh sử dụng đất ở vùng Amazon thuộc Peru. *PLoS ONE* 5(9): e13015. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0013015>.
34. Khan, K.I., Niazi, A., Nasir, A., Hussain, M., and Khanand, M.I., (2021). Ảnh hưởng của COVID-19 đối với ngành khách sạn: Hàm ý cho sự mở cửa. *Journals of Open Innovation: Technology, Market, Complexity*. <https://www.mdpi.com/2199-8531/7/1/30/pdf>.
35. Kucheran, K., (2021). Albania đã mở cửa trở lại hoạt động du lịch - Tất cả các quốc gia đều được chào đón. *Travel of Path*. Truy cập ngày 26 tháng 8 năm 2021. <https://www.traveloffpath.com/albania-has-reopened-for-tourism-all-countries-welcome/>.
36. Le Quéré, C., Jackson, R., Jones, M., Smith, A., Abernethy, S., Andrew, R., De-Gol, A., Shan, Y., Canadell, J., Friedlingstein, P., Creutzig, F., Peters, G., (2020). Lượng khí thải CO2 giảm tạm thời trong thời gian giãn cách xã hội. *Global Carbon Project*. Truy cập ngày 26 tháng 8 năm 2021. <https://doi.org/10.18160/RQDW-BTJU>.

37. Luc, R., (2020). Xem xét lại tính di động toàn cầu - tách khỏi du lịch tàu biển đại chúng sau hậu quả của COVID-19. *Tourism Geographies* 22(3), 679-689. DOI: 10.1080/14616688.2020.1762116.
38. McDonagh, S., (2021). *Mười sáu quốc gia hiện đang sử dụng thẻ du lịch COVID của EU (EUDCC)*. Euronews. <https://www.euronews.com/travel/2021/06/16/eu-covid-19-digital-pass-countries-begin-using-new-travel-system>.
39. Mohamed, E.E.Z., Sean, G.Y., and Josef, D.J., (2020). Tác động môi trường của đại dịch COVID-19 - bài học cho tương lai. *Infection Ecology & Epidemiology* 10(1), DOI: 10.1080/20008686.2020.1768023.
40. Namilae, S., Srinivasan, A., Mubayi, A., Scotch, M., and Pahle, R., (2017). Mô hình động lực học cho người đi bộ tự hành: ứng dụng để di chuyển hành khách và lây nhiễm bệnh trong máy bay. *Phys. A Stat. Mech. Appl.* 465, 248-260.
41. Nizetic, S., (2020). Tác động của đại dịch coronavirus (COVID-19) đối với tính di chuyển của vận tải hàng không, năng lượng và môi trường: Một nghiên cứu điển hình. *International Journal of Energy Research* 44(13): 10953-10961.
42. Oberleitner, F., Egger, C., Oberdorfer, S., Dullinger, S., Wanek, W., and Hietz, P., (2021). Phục hồi sinh khối trên mặt đất, sự phong phú của loài và thành phần trong các khu rừng thứ sinh nhiệt đới ở SW Costa Rica. *Forest Ecology and Management* 479, 118580.
43. OECD., (2020). Xây dựng lại ngành du lịch cho tương lai: Các phản ứng và phục hồi chính sách COVID-19. OECD Policy Responses to Coronavirus. <https://www.oecd.org/coronavirus/policy-responses/rebuilding-tourism-for-the-future-covid-19-policy-responses-and-recovery-bced9859/>.
44. Ogutu, J.O., Piepho, H.P., Said, M.Y., Ojwang, G.O., Njino, L.W., Kifugo, S.C. and Wargute, P.W., (2016). Sự suy giảm cực độ của động vật hoang dã và sự gia tăng đồng thời về số lượng vật nuôi ở Kenya: Nguyên nhân là gì? *Plos One* 11(9) <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0163249>.
45. Peeters, P., Gössling, S., Klijs, J., Milano, C., Novelli, M., Dijkmans, C., Eijgelaar, E., Hartman, S., Heslinga, J., Isaac, R., Mitas, O., Moretti, S., Nawijn, J., Papp, B. and Postma, A. (2018). *Nghiên cứu cho Ủy ban TRAN - Du lịch quá mức: tác động và các phản ứng chính sách có thể có*. Brussels: European Parliament, Policy Department for Structural and Cohesion Policies.
46. Phoebe, E., and Natasha, C., (2020) Thiết lập lại xã hội và sinh thái sau COVID-19: chuyển khỏi mô hình tăng trưởng tư bản chủ nghĩa sang du lịch như Buen Vivir. *Tourism Geographies* 22(3), 555-566. DOI: 10.1080/14616688.2020.1762119.

47. Priyadarshini, I., (2020). *Khảo sát về một số ảnh hưởng toàn cầu của đại dịch COVID-19*. USA: University of Delaware. <https://www.researchsquare.com/article/rs-20842/latest.pdf>
48. Quang, T.D., Tran, T.C., Tran, V.H., Nguyen, T.T., and Nguyen, T.T., (2020). Việt Nam đã sẵn sàng đón khách du lịch trở lại chưa? Đánh giá tác động kinh tế của COVID-19 và phản ứng của ngành du lịch Việt Nam đối với đại dịch. *Current Issues in Tourism*, DOI: 10.1080/13683500.2020.1860916
49. Sunlu, U., (2003). Ảnh hưởng của du lịch đến môi trường. *Environmental Science*.
50. Ren, L., Chen, M. and Feng, Y., (2010). *Du lịch xanh ở Trung Quốc: Tìm kiếm sự hài hòa giữa thiên nhiên và nhân loại*. China: Ningbo Polytechnic.
51. Romagaso, F., (2020). Khủng hoảng COVID-19: Cơ hội cho du lịch bền vững và du lịch gần. *Tourism Geographies* 22(3), 690-694. DOI: 10.1080/14616688.2020.1763447.
52. Tafoya, K.A., Brondizio, E.S., Johnson, C.E., Beck, P., Wallace, M., Quiros, R., and Wasserman, M., (2020). Hiệu quả của danh mục bảo tồn của Costa Rica đối với giảm nạn phá rừng, bảo vệ các loài linh trưởng và tăng cường sự tham gia của cộng đồng. *Frontiers in Environmental Science* 5. <https://doi.org/10.3389/fenvs.2020.580724>.
53. Thai, H., (2019). Những vấn đề đặt ra trong phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam. *Tổng cục Du lịch Việt Nam*. Truy cập ngày 31 tháng 8 năm 2021. <http://itdr.org.vn/nhung-van-de-dat-ra-trong-phat-trien-du-lich-sinh-thai-o-viet-nam/>
54. [UNWTO] UN World Tourism Organization., (2019). 'Du lịch quá mức?' Hiểu biết và quản lý tăng trưởng du lịch đô thị vượt ra ngoài nhận thức. (Volumes 1 and 2).
55. [UNWTO] UN World Tourism Organization., (2021) Du lịch quốc tế và COVID-19. UNWTO. Truy cập ngày 30 tháng 8 năm 2021. <https://www.unwto.org/international-tourism-and-covid-19>.
56. Ugur, N.U., and Akbiyikik, A., (2020). Tác động của COVID-19 đối với ngành du lịch toàn cầu: So sánh giữa các khu vực. *Tourism Management Perspectives* 36.
57. Verma, A., and Prakash, S., (2020). Tác động của COVID-19 đối với môi trường và xã hội. *Journal of Global Biosciences*, 9(5), 7352-7363, <https://ssrn.com/abstract=3644567>.
58. Verhey, B., (2016). *Tác động của Quyền Trẻ em trong Du lịch và Du lịch*. Tourism Watch. <https://www.tourism-watch.de/en/focus/child-rights-impacts-travel-and-tourism>.

59. Waibel, H., Grote, U., Min, S., Nguyen, T.T., và Praneetvatakul, S., (2020). COVID-19 ở Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng: các hộ gia đình nông thôn có khả năng chống chịu như thế nào? *Food Sec.* 12, 779-782. <https://doi.org/10.1007/s12571-020-01069-0>.
60. Wego Travel., (2021). Quốc gia nào mở cửa cho du lịch & du lịch? Khi nào các chuyến bay quốc tế sẽ tiếp tục? (Cập nhật thường xuyên). Truy cập ngày 26 tháng 8 năm 2021. <https://blog.wego.com/international-reopening/>.
61. [WHO] World Health Organization., (2021a). *Kì #45 - Chúng Delta*. WHO: Section navigation. Truy cập ngày 26 tháng 8 năm 2021. https://www.who.int/emergencies/diseases/novel-coronavirus-2019/media-resources/science-in-5/episode-45---delta-variant?gclid=CjwKCAjw95yJBhAgEiwAmRrutCGF0nZ6Qid-ZvPmII5XTGIII_UZTLqNPOiN-uoo_OVWDXZUNvzhzthoCG-UQAvD_BwE.
62. [WHO] World Health Organization., (2021b). Phân phối vắc xin không bình đẳng Tự đánh bại, Giám đốc Tổ chức Y tế Thế giới nói với Hội nghị Bộ trưởng Đặc biệt của Hội đồng Kinh tế và Xã hội. WHO. Truy cập ngày 26 tháng 8 năm 2021. <https://www.un.org/press/en/2021/ecosoc7039.doc.htm>.
63. [WTO] World Trade Organization., (2021). Sự kiện hỗ trợ thương mại Cổ phần 2021. Truy cập ngày 26 tháng 8 năm 2021. https://www.wto.org/english/tratop_e/devel_e/a4t_e/gr21_e/gr21_e.htm.
64. [WTTC] World Travel & Tourism Council., (2020). *Nghiên cứu tác động kinh tế*. WTTC. <https://wtcc.org/Research/Economic-Impact>.

VIỆT NAM và VƯƠNG QUỐC ANH

QUAN HỆ KINH TẾ - THƯƠNG MẠI
HƯỚNG TỚI NỀN KINH TẾ CÁC-BON THẤP
VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê nhận bằng thạc sĩ Kinh tế, chuyên ngành Ngoại thương gắn với lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng tại Trường Đại học Tổng hợp Gdansk (Ba Lan) năm 2000; nhận bằng tiến sĩ Kinh tế tại Đại học Kingston London (Vương quốc Anh) năm 2006. Từ năm 2002 đến 2006, ông nghiên cứu, giảng dạy tại Đại học Kingston London và tham gia vào các dự án của Chính phủ Anh hỗ trợ phát triển cho các doanh nghiệp Anh, Hy Lạp và Ba Lan. Ông từng là nhà tư vấn tài chính trong lĩnh vực ngân hàng, đầu tư, xây dựng hệ thống quản trị cho các tập đoàn kinh tế và có thời gian làm việc với Ngân hàng Trung ương Ba Lan, BIG Bank Gdansk (nay là Bank Millennium).

PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê hiện là Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN, đồng thời đảm nhiệm cương vị Phó Chủ tịch thường trực Hội Hữu nghị Việt Nam - Anh và là chuyên gia tư vấn nghiên cứu chính sách cho Trung ương và Chính phủ trong các lĩnh vực: quản lý công, tái cấu trúc các tập đoàn kinh tế và an ninh phi truyền thống. Cho đến nay, ông đã xuất bản 5 sách chuyên khảo, 35 bài báo khoa học về kinh tế và kinh doanh trên các tạp chí uy tín trong nước, quốc tế. Ông cũng là Trưởng ban tổ chức nhiều diễn đàn kinh tế và thương mại quốc tế.

ISBN: 978-604-342-640-3



Giá: 860.000đ